TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAK ĐOA** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25/02/2020
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA – TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Minh Chính**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Chín**.

2. Ông **Lê Văn Do**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Mỹ Vương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Thu Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/8/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị và anh Phan Văn T kết hôn ngày 14/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai trên tinh thần tự nguyện. Hai vợ chồng có 02 con chung gồm: Phan Hoàng Nhật Th, sinh ngày 16/02/2008 và Phan Hoàng Hoài B, sinh ngày 11/5/2012. Trong cuộc sống hôn nhân lúc đầu hạnh phúc nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và lối sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, không còn tôn trọng, quan tâm đến

nhau nên không khí trong gia đình rất căng thẳng. Có nhiều lần anh T đánh, chửi chị trước mặt các con và đập phá tài sản trong gia đình. Trong cuộc sống anh T cũng là người thiếu trách nhiệm, lười biếng, không phụ giúp chị trong các công việc của gia đình cũng như chăm lo cho con cái. Khi chị góp ý thì anh T không nghe mà còn chửi bới, xúc phạm chị. Đã có lần chị nộp đơn xin ly hôn T tại Tòa án nhưng sau khi nộp đơn, nghĩ thương cho các con cũng như được gia đình động viên, khuyên nhủ và cũng mong muốn anh T có thể sửa chữa, thay đổi nên chị đã rút đơn về. Tuy nhiên anh T vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi gì. Vì không chịu đựng được nên ngày 30/6/2016 chị đã dẫn các con ra khỏi nhà và ly thân với anh T kể từ đó. Nay chị nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Phan Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung như chị đã trình bày, hiện nay chị là người trực tiếp nuôi các con. Ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con, chị yêu cầu anh Phan Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000đồng/cháu/tháng) kể từ tháng 3/2020.

Về tài sản: Chị Hoàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh đề ngày 20 tháng 8 năm 2019, Công an xã T, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xác định: Anh Phan Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Anh T sau khi được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án đến tham gia tố tụng cũng như tại phiên phiên toà để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H nhưng anh T không đến Toà án và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên toà đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H và cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn, giao các cháu Phan Hoàng Nhật Th, sinh ngày 16/02/2008 và Phan Hoàng Hoài B, sinh ngày 11/5/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh Phan Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng/02 con, kể từ tháng 3/2020 cho đến khi các con thành niên. Về tài sản nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và anh T phải chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với anh Phan Văn T và yêu cầu giải quyết việc giao nuôi con, cấp dưỡng nuôi con nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp

về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phan Văn T có nơi cư trú tại thôn 1, xã Tân Bình, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Văn T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Phan Văn T kết hôn ngày 14/11/2007 tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng có những mâu thuẫn với anh T từ việc bất đồng về quan điểm và lối sống nên xảy ra nhiều mâu thuẫn từ đó dẫn đến việc chị H và anh T sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không còn ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T.

Việc mâu thuẫn xảy ra dẫn đến nguyên đơn xin ly hôn phù hợp với kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại chính quyền địa phương. Hơn nữa đương sự cũng có lần yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn nhưng đã có đơn xin rút đơn khởi kiện và tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa đã đình chỉ giải quyết vụ án. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Phan Văn T nhiều lần để trình bày ý kiến, xem xét đến nguyện vọng được níu kéo, đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí duy trì hôn nhân với chị H và anh T phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm và lối sống mà nguyên nhân chủ yếu là do anh chị chưa thực sự hiểu, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau. Đó cũng là nguyên nhân làm cho cuộc sống chung của vợ chồng chị H và anh T sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và không thể hàn gắn được và giữa chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, nên Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị H với anh Phan Văn T có 02 người con tên Phan Hoàng Nhật Th, sinh ngày 16/02/2008 và Phan Hoàng Hoài B, sinh ngày 11/5/2012. Hiện nay cháu Phan Hoàng Nhật Th và Phan Hoàng Hoài B đang do

chị H nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi các cháu Th và B, chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng/02 con (tức 1.000.000 đồng/tháng/01con).

Xét nguyện vọng được nuôi con của chị H, thấy rằng: Cha, mẹ đều có quyền bình đẳng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi thì phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu Th và cháu B có ý kiến là cháu xin được ở với mẹ vì mẹ yêu thương và chăm sóc cháu nhiều hơn. Bản thân các cháu còn nhỏ nên hai cháu đều cần tình yêu thương và sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và quyền lợi của các cháu về mọi mặt thì cần chấp nhận nguyện vọng của chị H và giao cho chị trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu là hợp lý.

Chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000đồng/tháng/cháu), Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu này của chị H là chính đáng, chị H trực tiếp nuôi con nên người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và mức cấp dưỡng theo yêu cầu 2.000.000 đồng/tháng/02con là phù hợp với tình hình hiện nay. Khi có lí do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi nếu đương sự có yêu cầu và Tòa án sẽ giải quyết theo luật định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp nên các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong việc giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5; khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Hoàng Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, anh Phan Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu Phan Hoàng Nhật Th, sinh ngày 16/02/2008 và Phan Hoàng Hoài B, sinh ngày 11/5/2012 (theo nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên) cho chị Hoàng Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phan Văn T phải cấp dưỡng nuôi con đối với các cháu Phan Hoàng Nhật Th, sinh ngày 16/02/2008 và Phan Hoàng Hoài B, sinh ngày 11/5/2012 với mức 1.000.000 đồng/tháng/01con (một triệu đồng một tháng trên một con) kể từ tháng **3/2020** và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản và nợ chung: Chưa tranh chấp, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong việc giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005146 ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Anh T chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Đoa;
- Chi cục THADS huyện Đak Đoa;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Bình (Lưu hồ sơ kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đào Minh Chính